

Bài 2 - Luân Lý Kitô Giáo và Triều Đại của Thiên Chúa

Bài làm ở nhà trước khi đến Lớp 2 – Phần 1

Home Exercise before Class 2 – Part 1

Đọc Christian Morality: In the Breath of God, Chapter 2 and answer the following questions before attending class.

Đọc Bài 2 ở các trang sau và trả lời các câu hỏi dưới đây trước khi tham dự lớp.

- (a) What are the major characteristics of the Reign or Kingdom of God?
Các đặc tính chính của Nước Thiên Chúa là gì?
- (b) For how long has God been at work in establishing the Kingdom of God?
Thiên Chúa đã làm việc để thiết lập Nước Thiên Chúa bao lâu rồi?
- (c) What is the status of the Kingdom of God today?
Tình trạng của Nước Thiên Chúa ngày nay thế nào?
- (d) What is the relationship between the moral life and the Kingdom of God?
Đời sống luân lý và Nước Thiên Chúa liên hệ với nhau thế nào?
- (e) What does the author mean by “thisworldliness” and how does he see it as related to the Christian moral life?
Tác giả có ý nói gì khi dùng từ “thế giới này” và ông thấy nó liên quan đến đời sống luân lý Kitô giáo thế nào?

Bài 2 - Luân Lý Kitô Giáo và Triều Đại của Thiên Chúa

Viết theo Christian Morality: In the Breath of God – Chapter 2

Của Tiến Sĩ Russell B. Connors, Jr.

ÔNG TỰC

Ngày xưa có một khu vườn, và người làm vườn là ông Tực. Khu vườn ấy là khu vườn đẹp nhất trong làng. Bà Phương đặc biệt yêu thích khu vườn ấy. Vào những lần dạo chơi ban chiều, khi có dịp gặp ông Tực đang chăm sóc khu vườn, bà thường nói với ông, “Đẹp quá ông Tực, ông và Thiên Chúa có một khu vườn đẹp nhất trong làng.” Ông Tực trả lời “Tốt lắm, cảm ơn bà”.

Việc này xảy ra trong một thời gian dài. Rồi vào một buổi chiều nóng bức và nực nội, ông Tực vất vả làm việc trong vườn, vừa làm vừa lau mồ hôi trán. Theo thói quen của mình, bà Phương đi đến và nhận xét, “Ông Tực, tôi nói với ông, ông và Thiên Chúa có một khu vườn đẹp tuyệt vời trong làng”. Lần này, ông Tực ngừng công việc mình đang làm, bỏ mũ xuống, lau mồ hôi trán, nhìn thẳng vào mắt bà Phương, và nói: “Thưa bà, không dám vô lễ với bà, nhưng tôi phải nói cho bà biết một điều. Đây có thể là một khu vườn đẹp tuyệt vời, nhưng với việc tôi và Thiên Chúa cùng nhau làm chủ nó, thì hay lắm, bà phải thấy khu vườn này lộn xộn như thế nào khi chỉ có một mình Thiên Chúa làm chủ nó!”

Từ sách GLHTCG 668, 669, 670, 671, 672

Chắc hẳn là ông Tực trong câu chuyện mở đầu của chúng ta có vẻ không sẵn sàng phủ nhận vai trò của Thiên Chúa với những gì xảy ra trong vườn của ông, nhưng chắc chắn là ông muốn cho bà Phương biết rằng mồ hôi của chính ông trong cái nóng ban ngày liên hệ rất nhiều đến việc vườn nở hoa.

Chương này nói về mối liên hệ giữa những gì Thiên Chúa đang làm trong thế giới này và điều chúng ta được mời gọi để làm với Ngài. Như sách *GLHTCG*, tôi gợi ý rằng hầu hết những gì Thiên Chúa đang làm trong thế giới này có thể được mô tả bằng hình ảnh Thánh Kinh về triều đại Thiên Chúa - một triều đại của công lý, tình yêu và hòa bình. Như đã thấy trong cuộc đời, lời rao giảng, giáo huấn, cái chết và sự sống lại của Chúa Giêsu Kitô, việc Thiên Chúa đang làm là tạo ra một trời mới đất mới (xem Kh 21). Nhưng Ngài không làm một mình. Chúng ta có liên hệ mật thiết với những gì Ngài đang làm. Triều đại Thiên Chúa đang và sẽ là việc của Thiên Chúa, nhưng nó xảy ra trong và qua tất cả chúng ta, đặc biệt là những người đi theo Chúa Giêsu Kitô. Thiên Chúa đang chăm sóc khu vườn, nhưng không phải không có ông Tực.

Chương này được coi như mặt trái của Chương 1. Trong chương ấy, chúng ta thấy rằng đời sống luân lý Kitô giáo, trước hết và trên hết, không phải là về mình, mà về Thiên Chúa. Chương 1 bàn về món quà tình yêu của Thiên Chúa và cách chúng ta cố gắng đáp lại lại tình yêu này. Điều ấy vẫn đúng. Nhưng chương này nhấn mạnh đến một chiều hướng khác: *đời sống luân lý Kitô giáo liên hệ rất nhiều đến những gì chúng ta làm*. Nó liên hệ đến sự tham gia tích cực của chúng ta vào công việc của Thiên Chúa trong việc tạo ra một triều đại công lý, yêu thương và hòa bình. Nếu hình ảnh trong Thánh Kinh có thể được tin cậy, *sự tham gia tích cực của chúng ta vào công việc của Thiên Chúa rất quan trọng đến nỗi khu vườn sẽ không nở hoa nếu không có nó*.

Vấn đề giới thiệu, sự khác biệt giữa chương này và chương trước là về nhấn mạnh. Chương trước chủ yếu nói về cách đáp trả hồng ân tình yêu của Thiên Chúa. Chương này nhấn mạnh cách cụ thể hơn rằng khuôn mẫu của đáp trả này xảy ra trong đời sống Kitô hữu là khuôn mẫu của việc *sống trong Đức Kitô*. Như sách *GLHTCG* nhắc nhở chúng ta rằng, Đức Kitô không hiện diện giữa chúng ta như Người đã hiện diện cách đây hai ngàn năm. Nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, Người hiện diện qua Thân Thể Người, là Hội Thánh. Người hiện diện qua bạn và tôi. Công việc tạo thành triều đại Thiên Chúa, được thấy trong cuộc đời Chúa Giêsu Kitô, bây giờ được trao phó cho chúng ta, những kẻ theo Người.

Nhưng chúng ta đang đi quá nhanh. Trong các trang tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét các xác tín của Kitô giáo về triều đại của Thiên Chúa là những gì và sự tham gia tích cực vào triều đại ấy đòi hỏi gì. Rồi chúng ta sẽ lưu ý đến điều mà tôi gọi là “sự quan tâm đến thế giới này”.

Xác Tín của Kitô giáo về Triều Đại Thiên Chúa

Xác tín của Kitô giáo về triều đại Thiên Chúa được xây dựng trên đức tin của dân Israel. Vì vậy, chúng ta hãy xem xét một đoạn Thánh Kinh nói khá rõ ràng về nguồn gốc niềm tin của dân Israel về triều đại ấy: *Xuất Hành 3:7-10*. Trong câu chuyện, người Do thái, bị bắt làm nô lệ ở Ai Cập, cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài làm một điều gì cho họ. Trong đoạn văn sau, Thiên Chúa nói với ông Môsê và, qua ông, với dân Israel.

*Ta đã thấy rõ nỗi cực khổ của dân Ta tại Ai Cập, và nghe thấu tiếng kêu rên của chúng vì bị các quân đốc hành hạ; phải, Ta biết sự đau khổ của chúng. Ta ngự xuống để giải thoát chúng khỏi tay người Ai Cập, và dẫn chúng ra khỏi Ai Cập, và đưa chúng từ đất đó lên đến một đất đẹp đẽ và rộng rãi, chảy sữa và mật ong, nghĩa là đất của dân Canaan, dân Hittit, dân Amôri, dân Peridit, dân Hivit và dân Giêbu. Nay đây, tiếng kêu rên của dân Israel đã thấu đến Ta, và Ta đã thấy chúng bị dân Ai Cập hà hiếp thế nào; vậy hãy lại đây, Ta sẽ sai người đến với Pharaô, để đưa dân ta, là dân Israel, ra khỏi Ai Cập (*Xuất Hành 3:7-10*)*

Đức tin của dân Do Thái về triều đại Thiên Chúa bắt đầu ở đó. Nó bắt đầu với niềm tin rằng Thiên Chúa không những chỉ nghe chúng ta và quan tâm đến chúng ta, mà còn táo bạo hơn - Thiên Chúa sẵn sàng can thiệp, “*xuống*” để ở với chúng ta và hành động vì chúng ta. Câu chuyện này bày tỏ niềm tin của dân Israel rằng Thiên Chúa quan tâm sâu xa đến tình trạng áp bức và bất công. Hàm ý của việc này đối với dân Israel đã trở thành điều này: như Thiên Chúa “*đã xuống*” để làm điều gì đó về tình trạng nô lệ và áp bức của chúng ta, và chúng ta cũng phải đặc biệt quan tâm và dẫn thân hành động cho những người nghèo hoặc những người bị áp bức.

Cũng lưu ý rằng câu chuyện diễn tả đức tin của dân Israel về việc Thiên Chúa hành động như thế nào - không trực tiếp, mà trong và qua ông Môsê, trong và qua dân Israel. Vì thế Thiên Chúa phán với ông Môsê rằng hãy đi gặp Pharaô và đưa dân ra khỏi ách nô lệ. Trong câu chuyện, ông Môsê phản đối: ‘Con là ai mà dám đến cùng Pharaô, để đưa dân Israel ra khỏi Ai Cập?’ (*Xh 3:11*). Thiên Chúa trả lời không phải bằng cách cho ông Môsê bất cứ điều gì gần như một kế hoạch hành động hoặc một bản đồ chỉ đường. Thay vào đó, Thiên Chúa chỉ đơn thuần ban một lời hứa: “Ta sẽ ở với ngươi” (*Xh 3:12*).

Điều cộng đồng Kitô hữu tin tưởng về “Nước Thiên Chúa” hay “triều đại của Thiên Chúa” cũng tương tự như thế, nhưng nó tập trung vào những gì chúng ta tin là Thiên Chúa đã thực hiện trong cuộc đời và công việc, cái chết và sự sống lại của Chúa Giêsu Kitô. Cũng như sách *GLHTCG* viết (xem # 714), chúng ta hãy nhìn thoáng qua đoạn văn quan trọng sau đây từ Tin Mừng Thánh Luca:

*Thần Khí của Chúa ngự trên Tôi,
vì Ngài đã xức dầu cho Tôi,
để loan báo Tin Mừng cho những người nghèo khó.
Ngài đã sai Tôi đi công bố sự giải thoát cho những người bị giam cầm,
làm cho người mù được thấy,
và trả lại tự do cho những người bị áp bức,
để công bố một năm hồng ân của Chúa.
(Lc 4:18-19)*

Những lời của Chúa Giêsu ở đây, một trích dẫn từ *Isaia 61:1-2*, là một lời công bố táo bạo của đức tin Kitô giáo về Chúa Giêsu Kitô. Thần Khí của Thiên Chúa đã ngự trên Chúa Giêsu một cách độc đáo và ấn tượng. Người là Con Thiên Chúa ở giữa chúng ta, và sứ mạng của Người là mang Tin Mừng đến cho những người nghèo đói, đau khổ và bị áp bức. Khi liên kết điều này với đoạn văn từ sách *Xuất Hành*,

các Kitô hữu tin rằng trong và qua con người cùng công việc của Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa “đã xuống” để ở cùng chúng ta. Thiên Chúa không những chỉ quan tâm đến nhu cầu của chúng ta, chú ý đến tình trạng đổ vỡ và tội lỗi của chúng ta, mà trong Chúa Giêsu, Ngài đã ôm lấy chúng.

Để chắc chắn, các Kitô hữu khẳng định rằng sự hiện diện yêu thương và cứu độ của Thiên Chúa đã được tỏ hiện trong đời sống của dân Israel, nhưng chúng ta cũng tin rằng khi sai Con Mình đến giữa chúng ta, Thiên Chúa đã làm một điều gì mới. *Triều đại của Thiên Chúa đã được thiết lập* - chưa kết thúc, nhưng đã được thiết lập - *một cách dứt khoát*. Niềm tin này được Thánh Sử Marcô tóm tắt rất hay. Trong Tin Mừng của ngài, ngài đã nói những lời đầu tiên về Chúa Giêsu như sau: “Đây là thời viên mãn, và Nước Thiên Chúa đã gần đến. Hãy ăn năn sám hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1:15).

Bằng cụm từ “Nước Thiên Chúa” hay “triều đại Thiên Chúa”, các Kitô hữu có ý nói rằng những gì Thiên Chúa làm trong Chúa Giêsu Kitô đã thiết lập chiến thắng cuối cùng của ân sủng trên tội lỗi, chiến thắng của công lý trên sự áp bức, và bi hùng nhất, là chiến thắng của sự sống trên sự chết. Cần lưu ý rằng, đức tin Kitô giáo cho rằng chiến thắng này, triều đại này, chỉ mới bắt đầu; nó hầu như chưa hoàn thành. Chúng ta chỉ cần xem các nhật báo buổi sáng để được nhắc nhở rằng tội lỗi, áp bức, và sự chết vẫn còn ở với chúng ta. Tuy nhiên, Kitô hữu là những người hy vọng - thực sự, chờ đợi – sự hoàn thành của chiến thắng của Đức Kitô, triều đại của Đức Kitô.

Nói cách hơi khác, đức tin Kitô giáo cung cấp cho các tín hữu một cái nhìn về lịch sử - thực sự, một cái nhìn rất đầy hy vọng. Thiên Chúa đang làm một điều gì đó trong một thời gian dài. Được thoáng thấy trong cuộc sống của dân Israel và được bi thảm hóa trong con người và việc làm của Chúa Giêsu Kitô, đặc biệt là trong và qua chiến thắng của Người trên sự chết - Thiên Chúa đã và vẫn tiếp tục biến đổi nhân loại và tạo lập một trời mới và đất mới. Đó là một tuyên bố khá kinh ngạc. Câu hỏi đầu tiên cho chúng ta đơn thuần là “Chúng ta có tin điều ấy không? Chúng ta có nghĩ rằng điều ấy có khả thi, thực ra, có thể thực sự xảy ra không?” Và câu hỏi tiếp theo là “Vai trò của chúng ta trong công trình kỳ diệu này của Thiên Chúa là gì?” Chúng ta hãy tiếp tục để trả lời câu hỏi ấy.

Đời Sống Luân Lý Kitô giáo như Tích Cực Tham Gia vào việc Xây Dựng Triều Đại Thiên Chúa của Đức Kitô

Rõ ràng là không có gì tế nhị về tiêu đề dài của phần này. Nếu câu hỏi là vai trò của chúng ta trong triều đại của Thiên Chúa là gì? thì câu trả lời là chúng ta được mời gọi tham gia tích cực vào những gì Thiên Chúa đang làm. Trong các đoạn tiếp theo, tôi đề nghị chúng ta suy nghĩ một chút về ý nghĩa của các từ tích cực và tham gia. Tôi đề nghị rằng điều mà sự tham gia đòi hỏi chúng ta là đức khiêm nhường, và điều mà tích cực đòi hỏi chúng ta là một ý thức về tính cấp bách.

Để thấy mình như một người tham gia vào công trình của Đức Kitô trong việc xây dựng triều đại Thiên Chúa, chắc chắn là đòi hỏi một số điều. Tôi đề nghị rằng trong số những đòi hỏi quan trọng nhất là ý thức về sự khiêm nhường thật sự. Tôi không có ý nói đến hý hoạ về sự khiêm nhường mà chúng ta có thể nghĩ đến - đó là ý tưởng sai lầm về khiêm nhường cho rằng “Tôi thực sự không có giá trị bao nhiêu” hoặc “tôi thực sự không có nhiều đóng góp”. Đó là một ý tưởng rất khác xa với đức khiêm nhường chân chính. Đức khiêm nhường chân chính là nhân đức giúp chúng ta thấy rõ con người thật của mình; đó là một nhân đức giúp chúng ta va chạm với thực tế. Dưới ánh sáng của đức tin Kitô giáo, những người khiêm nhường biết rằng họ không là gì khác hơn là con cái Thiên Chúa, được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa (xem Sáng Thế 1:27; GLHTCG, # 356). Các Kitô hữu khiêm tốn tin điều này cách sâu xa. Họ biết rằng vì nguồn gốc của họ (trong Thiên Chúa) và vì vận mệnh của họ (trong Thiên Chúa), họ là những thụ tạo có giá trị to rất lớn, vô giá. Nhưng nhớ lại một điều được nhấn mạnh trong Chương 1, họ cũng biết rằng tất cả đều là ân sủng, tất cả đều là quà tặng, chứ không phải là kết quả của những thành công của họ, dù có giá trị đến đâu đi nữa. Với Kitô hữu, sự khiêm nhường chân chính bắt đầu ở đó.

Nhưng nó không ngừng lại ở đó. Trở nên khiêm tốn và trở thành môn đệ Đức Kitô là tin rằng Thiên Chúa đang làm một điều gì đáng kinh ngạc: kiến tạo triều đại tình yêu, công lý và hòa bình. Lòng khiêm nhường của những người như thế sẽ giúp họ không bao giờ quên rằng từ đầu đến cuối, đó là công việc của Thiên Chúa, triều đại của Thiên Chúa. Điều chúng ta được mời gọi để làm là tham gia vào những gì Thiên Chúa đang làm qua những cách mà trong đó chúng ta sống đời mình, qua những cách mà trong đó chúng ta làm việc vì tình yêu, công lý và hòa bình. Nhưng trong mọi lúc, chúng ta tốt nhất là ghi nhớ thực tại của tình trạng tuyệt vời này: Chính là việc làm của Thiên Chúa làm, chứ không phải của chúng ta. Chúng ta phải tham gia, và vâng, sự tham gia của chúng ta là điều cần thiết. Nhưng việc tạo ra một trời mới và đất mới rõ ràng là một công trình “to lớn hơn” bất cứ ai (hoặc tất cả mọi người) trong chúng ta. Nó “to lớn hơn” điều mà bất cứ ai (hoặc tất cả mọi người) trong chúng ta có thể làm.

Tại sao điều này lại quan trọng? Nó quan trọng vì loại khiêm nhường này – khiêm nhường thật sự của Kitô hữu - có thể giải phóng chúng ta khỏi chủ nghĩa tự cho mình là hoàn hảo là điều làm tổn thương quá nhiều người trong chúng ta, chủ nghĩa tự cho mình là hoàn hảo, cuối cùng dẫn đến trầm cảm, nếu không phải là tuyệt vọng, vì chung cuộc, tất cả chúng ta đều không phải là những người hoàn hảo mà chúng ta nghĩ mình đáng lẽ là. Hơn nữa, đức khiêm nhường Kitô giáo chân chính có thể giúp tất cả chúng ta sống với những việc chưa hoàn thành. Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, bao nhiêu người phải vật lộn với các lịch trình bù đầu, thường làm chúng ta thất vọng vào cuối ngày vì mình thực sự đã chưa làm xong được tất cả? Và quan trọng hơn nữa, bao nhiêu người trong chúng ta phải vật lộn với việc chưa hoàn thành của thế giới chúng ta: với những mối liên hệ đổ vỡ và hầu như “hết thuốc chữa”; với những vấn đề xã hội ngập đầu như nghèo túng, đói khát và bất công; cùng với thù địch và bạo lực kéo dài hàng thế kỷ? Đức tin vào triều đại Thiên Chúa của Kitô giáo mời gọi chúng ta tin rằng, dù sức mạnh của tội lỗi và đau khổ có cứng đầu cách nào đi nữa, thì triều đại của Thiên Chúa, chiến thắng của Thiên Chúa, đã cận kề; nó đang đến. Tin điều ấy liên hệ đến việc mạo hiểm, một mạo hiểm có vẻ gần như điên khùng. Tuy nhiên, theo sách *GLHTCG* thì niềm tin như vậy sẽ mở ra hy vọng, hy vọng vào những gì Thiên Chúa có thể làm và những gì Thiên Chúa đã làm (xem # 1817-1821). Niềm hy vọng ấy phải dựa trên lòng khiêm tốn, khả năng nhận ra thực tại của giá trị của chính mình khi góp phần vào những gì Thiên Chúa đang làm trong thế giới này.

Nếu đức khiêm nhường là điều thiết yếu cho khả năng tham gia tốt của chúng ta vào việc xây dựng triều đại Thiên Chúa, một ý thức cấp bách cũng quan trọng không kém trong việc tham gia tích cực của chúng ta vào công việc đầy đức tin này. Có lẽ một câu chuyện có thể giúp chúng ta ở đây.

Tôi nhớ lại bài thần học đầu tiên; cha tôi là thầy giáo. Nó xảy ra nhiều năm trước đây khi chúng tôi coi một trận đấu bóng chày của đội banh Cleveland Indians trên đài truyền hình. Tôi khoảng bảy tám tuổi. Minnie Minoso bước vào khung vuông của người cầm chày, và khi anh ta vào, tôi thấy anh ta đã làm dấu Thánh Giá. Trước đây tôi chưa từng để ý đến điều này, cho nên tôi đã nói với bố tôi: “Bố có thấy điều ấy không, Bố? Minnie đã làm dấu Thánh Giá, nó có giúp gì anh ta không?” Chẳng cần phải suy nghĩ nhiều, thần học gia của tôi trả lời, “Nó có giúp gì anh ta không?” Nó sẽ giúp anh ta - miễn là anh ta phải đến thực tập đánh bóng chày, miễn là anh ta có thể đánh trúng!”

Trong những lúc tốt hơn (như lúc này), cha tôi là một người khôn ngoan - và ông ấy là một người có đức tin. Điều tôi học được trong bài học thần học đầu tiên ấy là Thiên Chúa giúp chúng ta, nhưng Ngài cần chúng ta tự giúp mình. Chúng ta cần phải đến để thực tập chơi bóng chày. Chúng ta cần đi các bước mà chúng ta có thể đi để hoàn thành công việc. Thiên Chúa sẽ ở cùng chúng ta, Thiên Chúa sẽ giúp chúng ta, nhưng Thiên Chúa chắc không làm điều ấy thay cho chúng ta. Tôi cho rằng đây là lý do tại sao tôi rất thông cảm với ông Tục trong câu chuyện mở đầu chương này. Người làm vườn làm tốt để nhớ rằng trước hết cả ông ta và ngôi vườn đều hiện hữu vì hoạt động sáng tạo của Thiên Chúa. Người làm vườn làm tốt để nhớ rằng ông ta không phải là tác giả của sự sống. Dù vậy, người làm vườn cũng biết

rằng có rất nhiều công việc phải làm trong vườn, và ngay cả khi ông cầu xin cho thời tiết tốt và cây mọc tốt, ông biết rằng mình phải chu toàn các nhiệm vụ hiện thời.

Vì vậy, việc tham gia tích cực vào triều đại của Thiên Chúa đòi hỏi gì? Nó đòi hỏi một ý thức về sự khẩn trương. Nó đòi hỏi khả năng nhìn thấy những cơ hội đang có sẵn trong bàn tay của chúng ta, để “đáp ứng kịp thời”, để làm một điều gì ngay hôm nay hầu có thể thắng tiến triều đại công lý, tình yêu và hòa bình Thiên Chúa.

Đây chính là điều mà Thiên Chúa đã truyền cho ông Môsê khi Ngài sai ông đến cùng Pharaô để dẫn đưa dân chúng ra khỏi ách nô lệ ở Ai Cập. Thiên Chúa đã yêu cầu ông Môsê phải tin rằng Ngài sẽ làm cho việc ấy xảy ra, và, đồng thời, rằng nó sẽ không xảy ra nếu không có sự lãnh đạo và hành động dứt khoát của chính ông. Nói cách khác, triều đại Thiên Chúa là sự cai trị của Thiên Chúa, và chiến thắng trên tội lỗi và sự chết sẽ giành được bởi quyền năng của Thiên Chúa - và chúng ta vẫn được mời gọi để hành động. Bà Phương đúng: Thiên Chúa và ông Tước có một khu vườn xinh đẹp. Nhưng ông Tước cũng đúng: khu vườn trở nên khá lộn xộn khi người làm vườn không làm xong việc.

Như chúng ta đã thấy ở đầu chương, đời sống Kitô hữu là đời sống trong Thần Khí. Đó là khả năng để cho Thiên Chúa sống trong mình và qua mình, khả năng tin rằng triều đại Thiên Chúa sẽ đến vì quyền năng của Thần Khí Thiên Chúa. Nhưng đời sống Kitô hữu cũng đòi hỏi phải thành một nhân chứng.

Trong tiếng Hy Lạp, ngôn ngữ của Tân Ước, từ *chứng nhân* và từ *tử vì đạo* được coi là tương đương. Để làm chứng nhân cho Đức Kitô nghĩa là hành động theo những cách đôi khi bị thảm và đắt giá. Đối với một số người, nó có nghĩa là ban tặng sự sống của mình vì công lý, tình yêu và hòa bình. Những nhân chứng như vậy bị hùng hoá tính cấp bách liên quan đến việc tham gia tích cực của chúng ta vào triều đại Thiên Chúa.

Đời Sống Luân Lý Kitô Giáo và “quan tâm đến thế giới này”

Đòi hỏi ở phần cuối của chương này là sự tham gia tích cực của chúng ta vào việc tạo ra triều đại Thiên Chúa có một “quan tâm” nào đó “đến thế gian này”. Để hiểu điều này có nghĩa gì, chúng ta hãy nhìn vấn đề quan điểm của Karl Marx.

Karl Marx (1818-1883) là một triết gia người Đức, mà những tư tưởng của ông được mô tả là duy vật (chối từ bình diện tâm linh của con người), theo thuyết định mệnh (giảm tự do của con người xuống mức tối thiểu), và vô thần (phủ nhận sự hiện hữu, hoặc ít ra sự thiết yếu, của Thiên Chúa). Quan tâm sâu xa đến tình trạng của các công nhân ở Châu Âu trong thời của ông – các công nhân (gồm cả trẻ em) đã làm việc vất vả lâu giờ trong các nhà máy thiếu an toàn với số lương ít ỏi không đủ để nuôi gia đình, nhân phẩm không mấy được tôn trọng - Marx kêu gọi một thay đổi xã hội triệt để. Đến đây vẫn tốt. Nhưng được xây dựng trong các tư tưởng triết học và chính trị của ông là một phê bình triệt để về tôn giáo, đặc biệt là Kitô giáo, như “thuốc phiện của dân chúng”. Ông kết án rằng niềm tin Kitô giáo về thiên đàng làm dân chúng sao lãng việc nhìn thấy những gì đang thực sự xảy ra trong thế giới của họ và không cho họ có bất cứ hành động nào về tình trạng đàn áp và bất công. Như một loại thuốc, niềm tin vào “một thế giới khác” làm nhụt các giác quan của các Kitô hữu khiến họ vui lòng chịu đựng bất công xã hội ở đời này bởi vì cuối cùng, đời sau mới thực sự quan trọng. Lời phê bình của Marx về Kitô giáo là điều mà tôi thích gọi là “quan tâm đến thế giới khác”; ông buộc tội Kitô giáo là tập trung quá nhiều nỗ lực vào “thế giới sau” và quá ít vào thế giới này.

Có thể là vấn đề tranh cãi liệu những lời chỉ trích của Marx có ảnh hưởng thực sự đến Kitô giáo hay không. Nhưng điều dường như không thể tranh cãi được trong lịch sử là chẳng bao lâu sau Marx, các hội thánh Kitô giáo gồm cả Hội Thánh Công giáo Rôma - bắt đầu chú ý nhiều hơn đến các tệ nạn xã hội như nghèo đói, áp bức, và bất công. Năm 1891, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã ban hành một thông điệp quan trọng là *Rerum Novarum (Tân Sự)*, về hoàn cảnh của các công nhân và nhu cầu cải cách xã

hội. Thông điệp ấy bắt đầu điều được coi là giáo huấn về công bằng xã hội hiện đại của Công giáo. Chương 7 của sách này sẽ xem xét truyền thống ấy. Điểm nhấn mạnh ở đây đơn thuần là: giáo huấn xã hội Công giáo có một “sự quan tâm rõ ràng đến thế giới này”. Trong một trăm năm qua, hầu như mọi Giáo Hoàng, từ Đức Lêo XIII đến Đức Gioan Phaolô II, (đặc biệt là Đức Phanxicô), đã chú ý rất nhiều đến những quan tâm xã hội của thời đại và đã kêu gọi mọi Kitô hữu – từng cá nhân, nhưng đặc biệt là tập thể - dành hết năng lực của mình để thắng vượt nạn nghèo khổ, đói khát, vô gia cư, kỳ thị, áp bức và bạo lực. Đạo Công Giáo có vẻ đã nghe giáo huấn Thánh Kinh về triều đại Thiên Chúa một cách mới mẻ trong thế kỷ qua, bằng một cách dường như được đánh dấu bằng “sự quan tâm đến thế giới này”. Cũng như Đức Kitô tin rằng Thần Khí của Thiên Chúa đang ngự trên Người và kêu gọi Người công bố một sứ điệp hy vọng cho người nghèo, đem lại tự do cho những kẻ bị tù đầy, giải phóng những kẻ bị áp bức, cũng vậy, trong thế kỷ này, giáo huấn Công Giáo đã nhấn mạnh rằng cùng một Thần Khí của Thiên Chúa đang ngự trên chúng ta, rằng sứ mệnh của Đức Kitô giờ đây là của chúng ta. Như các vị Giáo Hoàng và Giám Mục đã nhắc nhở, chúng ta cũng thế, phải quan tâm đến việc đóng góp vào công việc yêu thương, công lý và hòa bình của Đức Kitô trong thế gian này, vì đó là điều mà triều đại của Thiên Chúa quan tâm đến.

Hai chú giải rất quan trọng nữa về “sự quan tâm đến thế giới này”. Thứ nhất, cách nhìn vào đời sống Kitô hữu này - như sự tham gia tích cực vào công việc của triều đại của Thiên Chúa – mời gọi chúng ta chú ý đến *sự liên tục giữa thế giới này và “trời mới đất mới”* mà Thiên Chúa đang hình thành. Chắc chắn là có sự gián đoạn giữa thế giới này và “thế giới sau”. Thế giới này không phải là thiên đàng (nếu chúng ta không nhận thấy) và, thực ra, một ngày nào đó sẽ không đơn thuần trở thành thiên đàng như kết quả của việc làm tập thể của chúng ta. Để cho triều đại của Thiên Chúa được hoàn thành, Thiên Chúa sẽ phải hành động một cách mới mẻ và quyết định. Tuy nhiên, hình ảnh Thánh Kinh về triều đại Thiên Chúa cho thấy có sự liên tục giữa thế giới này và “trời mới đất mới” sẽ đến. Triều đại của Thiên Chúa “đã gần”, các tác giả Thánh Kinh nhấn mạnh rằng nó đã ở giữa chúng ta. Nói cách khác, đây không phải là một thế giới “bị phí phạm”. Triều đại của Thiên Chúa sẽ không thay thế cho những nỗ lực của chúng ta và những chiến công nhỏ bé về công lý, tình yêu và hòa bình ở đây và bây giờ; thay vào đó, nó sẽ đem chúng đến hoàn thành. Những gì chúng ta làm trong thế giới này đều quan trọng; chúng là một phần của công trình lớn hơn của Thiên Chúa.

Thứ hai, điều quan trọng là phải thừa nhận một số điều mà “sự quan tâm đến thế giới này” không có ý nói đến. Nó không có ý nói rằng các bổn phận duy nhất của chúng ta như các Kitô hữu là các bổn phận liên quan trực tiếp đến vấn đề công bằng xã hội. Rất nhiều trang trong Sách *GLGHC* thảo luận các bổn phận của chúng ta liên quan đến chính Hội Thánh hoặc liên quan đến việc thờ phượng cho thấy rằng Kitô giáo không chỉ đơn thuần là về các quan tâm xã hội. Ngoài ra, nhấn mạnh đến các khía cạnh “quan tâm đến thế giới này” của triều đại Thiên Chúa và đời sống Kitô hữu, không có nghĩa là trong cuộc sống hàng ngày của mình, chúng ta phải trở thành các nhà đấu tranh xã hội. Nhiều người trong chúng ta có thể xác định các bổn phận luân lý quan trọng phát sinh từ mối quan hệ của mình với tư cách là cha mẹ, con cái, anh chị em, bạn bè, công nhân ... Một số người trong chúng ta khỏe mạnh; một số người trong chúng ta đau yếu và phải chăm sóc. Một số người chúng ta có những địa vị có ảnh hưởng lớn trong đời sống cộng đồng; nhiều người trong chúng ta không có. Vì vậy, những cách mà chúng ta tích cực tham gia vào công việc của Thiên Chúa trong việc tạo ra một triều đại công lý, tình yêu và hòa bình có thể thay đổi rất nhiều giữa người này và người khác.

Tất cả chúng ta đều phải quan tâm đến người lân cận của mình, và tùy theo khả năng của mình, chúng ta phải làm những gì có thể để đóng góp vào công việc của Thiên Chúa. Chúng ta phải chăm sóc cho khu vườn mà chúng ta đang ở.

Cuối cùng, việc nhấn mạnh đến “sự quan tâm đến thế giới này” của triều đại Thiên Chúa và sự tham gia tích cực của chúng ta vào nó không có nghĩa là không có chỗ cho việc cầu nguyện. Nhưng có

lẽ, như trong Mùa Vọng, lời cầu nguyện của chúng ta có thể có hai hình thức. Có thể thật tốt khi chúng ta cầu nguyện “Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến!” mỗi ngày, cầu xin cho Thiên Chúa hoàn thành những gì đã bắt đầu một cách dứt khoát nơi Chúa Giêsu thành Nadareth. Và chúng ta cũng có thể cầu xin cho đôi mắt của mình có thể mở ra, để chúng ta có thể nhận ra và đáp lại những cơ hội “đang đến” ngõ hầu giúp vào việc hình thành triều đại của Thiên Chúa.

TÓM LƯỢC

Hầu hết những gì Thiên Chúa đang làm trong thế giới này có thể được mô tả bằng hình ảnh Thánh Kinh về triều đại Thiên Chúa - một triều đại của công lý, tình yêu và hòa bình. Triều đại này đã được mặc khải từ thời các Tổ Phụ và khai mào cách đặc biệt qua các biến cố của Chúa Giêsu. Nước Thiên Chúa liên quan đến chiến thắng của công lý trên áp bức, của tự do trên nô lệ, của ân sủng trên tình trạng tội lỗi và của sự sống trên sự chết. Các Kitô hữu được mời gọi sống và làm chứng cho triều đại Thiên Chúa bằng cách để cho Thiên Chúa sống trong chúng ta và qua chúng ta. Nhờ đó chúng ta có thể làm nhân chứng cho Đức Kitô để đem công lý, tự do và hòa bình đến cho thế gian.

Triều đại Thiên Chúa sẽ không thay thế những nỗ lực của chúng ta, nhưng sẽ đem chúng đến hoàn thành. Điều chúng ta làm trong thế giới này đều quan trọng; nó là một phần của công trình lớn hơn của Thiên Chúa. Nhưng bổn phận duy nhất của chúng ta như Kitô hữu không phải chỉ là bổn phận liên quan trực tiếp đến vấn đề công bằng xã hội mà thôi, mà là đem Tin Mừng của Chúa đến cho mọi người.

Câu Hỏi để Suy Nghĩ và Thảo Luận

1. Bạn nghĩ gì về câu chuyện mở đầu của chương này? Thiên Chúa có tham gia vào những gì mà ông Tọc đang làm trong vườn không? Tham gia thế nào? Thiên Chúa có hoạt động trong thế giới này không? Nếu có, thì cách nào? Bạn mô tả mối quan hệ giữa những gì chúng ta làm trong thế giới này và những gì Thiên Chúa làm trong thế giới này như thế nào?
2. Bạn nghĩ ngay đến điều gì khi nghe cụm từ “triều đại của Thiên Chúa”? Bạn có thể kể ra bất kỳ biến cố nào đối với bạn có vẻ là các dấu chỉ cho thấy rằng triều đại của Thiên Chúa đang xảy ra?
3. Chương này đề ra rằng đức khiêm nhường và ý thức về sự cấp bách là những đặc tính thiết yếu cho những ai tham gia tích cực vào triều đại của Thiên Chúa. Một số đặc tính khác có vẻ như cần thiết là những đặc tính nào? Giải thích. Bạn có thể nêu tên một số người mà bạn thấy những đặc tính này không?
4. Bạn nghĩ gì về thảo luận của chương này về “sự quan tâm đến thế giới này”? Chẳng lẽ “sự quan tâm đến thế giới khác” không đóng vai trò nào trong đời sống và tâm linh của các cá nhân Kitô hữu sao? Những nguy hiểm nào có thể có với mỗi ý tưởng ấy?

Bài 3 - Luân Lý Kitô Giáo và Ôn Gọi Làm Người

Bài làm ở nhà trước khi đến Lớp 3

Home Exercise before Class 3

Read Catechism of the Catholic Church nos. 1730-1748 and answer the following questions:

Đọc Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo câu 1730-1748 và trả lời những câu hỏi dưới đây:

- (a) What is meant by the term “human freedom”? To what aspects of the human person is it related?
Thuật ngữ “sự tự do của con người” có nghĩa gì? Nó liên quan đến những bình diện gì của con người?
- (b) What acts can be imputed to their author?
Những hành động nào có thể được quy tội hay trách nhiệm cho tác giả của chúng?
- (c) What can diminish, or even nullify, the imputability of an act? Why?
Điều gì có thể giảm bớt hay thậm chí xóa bỏ việc quy trách nhiệm của một hành vi? Tại sao?
- (d) What is the relationship of human freedom to sin? To grace?
Sự liên hệ giữa tự do của con người với tội lỗi là gì? Với ân sủng là gì?

Read CCC 1803-1829 and answer the following questions:

Đọc Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo câu 1803-1829 và trả lời những câu hỏi dưới đây:

- (a) What is the definition of the term “virtue”?
Định nghĩa “nhân đức” là gì?
- (b) What are the cardinal virtues? Describe them.
Các nhân đức trụ là gì? Hãy mô tả chúng.
- (c) What are the theological virtues? Describe them.
Các nhân đức đối thần là gì? Hãy mô tả chúng.
- (d) What distinguishes the theological virtues from the cardinal virtues?
Điều gì giúp phân biệt giữa các nhân đức đối thần và các nhân đức trụ?

Read Catechism of the Catholic Church nos. 1949-1986 and answer the following questions:
Đọc Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo câu 1949-1986 và trả lời những câu hỏi dưới đây:

- (a) The eternal moral law is the work of whom? To what purpose was it created?
 Luật luân lý vĩnh cửu là công trình của ai? Nó được tạo ra với mục đích gì?

- (b) What is meant by the term “natural moral law”? To whom do these laws apply? Do these laws vary over time?
 Thuật ngữ “luật luân lý tự nhiên” có nghĩa gì? Các luật này áp dụng cho những ai? Các luật này có thay đổi với thời gian không?

- (c) How is revealed law different from natural law?
 Luật mặc khải khác luật tự nhiên thế nào?

- (d) What are the two stages of revelation of the revealed law?
 Hai giai đoạn mặc khải của luật mặc khải là những giai đoạn nào.

- (e) What is meant by the term “the law of the Gospel”? In what way is it something more than a collection of prescriptions and proscriptions contained in the four canonical gospels”?
 Thuật ngữ “luật Tin Mừng” có nghĩa gì? Nó trội vượt hơn một bộ sưu tập các mệnh lệnh và cấm lệnh chứa đựng trong bốn Tin Mừng trong quy thư ở chỗ nào?

Bài 3 - Ôn Gọi Làm Người trong Thánh Thần

Viết theo sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo

Sự sống trong Thánh Thần kiện toàn ơn gọi làm người. Sự sống đó gồm việc kính mến Thiên Chúa và liên đới với mọi người. Thiên Chúa ban tặng sự sống như ơn cứu độ (1699).

Phẩm Giá của Con Người

Phẩm giá của một người bắt nguồn từ việc được dựng nên theo hình ảnh và giống Thiên Chúa. Hình ảnh này đã bị tội nguyên tổ làm méo mó, nay được phục hồi trong Đức Kitô, và được thêm long lẫy nhờ ân sủng của Thiên Chúa. Ai cũng có hình ảnh của Thiên Chúa vì có một "linh hồn bất tử" và một ý chí tự do. Nhờ lý trí, con người nhận ra tiếng nói của Thiên Chúa thúc đẩy mình "làm lành lánh dữ". Mỗi người phải vâng theo tiếng nói ấy, và thực hiện trong tình mến Chúa yêu người. Việc thực thi đời sống luân lý chứng nhận phẩm giá của con người. Con người phạm tội vì lạm dụng sự tự do của mình. Vì tội nguyên tổ, chúng ta có khuynh hướng dễ phạm tội, nhưng Đức Kitô đã ban cho chúng ta một đời sống mới và sức mạnh để chiến thắng tội lỗi. Ân sủng của Người phục hồi những gì tội lỗi đã làm hư hỏng nơi chúng ta. Nhờ tin vào Đức Kitô, chúng ta đạt tới đức ái hoàn hảo bằng cách sống theo gương Người và kết hợp với Người. Nhờ ân sủng của Người, đời sống luân lý của chúng ta được trưởng thành, và chúng ta có thể đạt được sự sống vĩnh cửu trên Nước Trời (1701-1715).

Ơn Gọi Hưởng Hạnh Phúc của Chúng Ta

Tám Mối Phúc Thật

Tám Mối Phúc Thật là trọng tâm của những lời Chúa Giêsu giảng dạy. Tám Mối Phúc Thật phác họa dung mạo và đức ái của Người. Chúng diễn tả ơn gọi của các tín hữu là được liên kết với cuộc khổ nạn và phục sinh của Người, soi sáng những hành động và thái độ đặc thù của đời Kitô hữu. Chúng nâng đỡ niềm hy vọng khi con người gặp hoạn nạn, cùng công bố những phúc lộc và phần thưởng các môn đệ đã được hưởng âm thầm (1716-1717).

Ước Vọng Hạnh Phúc

Tám Mối Phúc Thật đáp ứng ước vọng tự nhiên của con người là muốn được hạnh phúc. Ước vọng này bắt nguồn từ Thiên Chúa. Ngài là Đấng duy nhất có thể cho làm chúng ta thỏa mãn. Ngài mời gọi chúng ta chung hưởng hạnh phúc của Ngài. Ôn gọi này được ban cho từng cá nhân, cũng như toàn thể Hội Thánh, Dân Mới, gồm những kẻ đón nhận và sống lời hứa đó trong đức tin (1718-1719).

Hạnh Phúc Thật của Kitô Giáo

Tân Ước dùng nhiều cách để diễn tả hạnh phúc thật mà Thiên Chúa mời gọi con người đến hưởng: *Nước Thiên Chúa trị đến; hưởng nhan thánh Chúa, hưởng niềm vui của Chúa, an nghỉ trong Chúa*. Ngài cho chúng ta sống ở đời để nhận biết, phụng sự, và yêu mến Ngài để nhờ đó được hạnh phúc Thiên Đàng. Hạnh phúc là được thông phần bản tính Thiên Chúa và sự sống đời đời. Nó là ân huệ siêu nhiên. *Hạnh phúc mà Ngài hứa bắt chúng ta phải đương đầu với những quyết định lựa chọn luân lý, mời gọi ta thanh luyện tâm hồn khỏi những bản năng xấu và tìm kiếm tình yêu Thiên Chúa trên hết mọi sự*. Chúng ta không thể tìm thấy hạnh phúc thật nơi tiền tài, danh vọng, quyền bính, hay thành công về bất cứ phương diện nào, hoặc nơi bất cứ tạo vật nào, nhưng chỉ nơi Thiên Chúa, nguồn mọi thiện hảo và tình yêu. Mười Giới Răn, Bài Giảng Trên Núi và giáo huấn các Tông Đồ chỉ cho chúng ta đường lên Nước Trời. Nhờ ơn Chúa Thánh Thần, chúng ta tiến tới từng bước một, qua các việc lành hằng ngày.

Nhờ tác động của lời Đức Kitô, chúng ta dần dần sinh hoa kết quả trong Hội Thánh để vinh danh Thiên Chúa (1720-1729).

Sự Tự Do của Con Người

Thiên Chúa dựng nên con người có lý trí, nên giống Thiên Chúa. Ngài ban cho họ nhân phẩm để tự do hành động có sáng kiến và biết làm chủ các hành vi của mình. (1730)

Tự Do và Trách Nhiệm

Tự do là khả năng bắt nguồn từ lý trí và ý chí để chọn làm hay không làm điều gì, nhờ đó con người có thể làm những việc có ý thức và chịu trách nhiệm về việc mình làm. Tự do đạt tới mức hoàn hảo khi quy hướng về Thiên Chúa, nguồn hạnh phúc của chúng ta.

Tự do còn bao hàm khả năng lựa chọn giữa thiện và ác. Vì có tự do, nên con người có công hay có tội. Con người chỉ có tự do đích thực khi làm điều thiện. Khi chọn điều ác, con người lạm dụng tự do và trở nên nô lệ tội lỗi.

Có tự do, con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình theo mức độ chủ ý. Lỗi và trách nhiệm về một hành động có thể được giảm bớt hay xóa bỏ vì thiếu hiểu biết, sợ hãi, áp lực, sợ hãi, thói quen, tâm thần bất ổn, hoặc các yếu tố tâm lý hay xã hội. Con người phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi trực tiếp chủ ý của mình.

Quyền sử dụng tự do, đặc biệt trong lãnh vực luân lý và tôn giáo, là một đòi hỏi không thể tách rời khỏi phẩm giá con người. Luật dân sự phải công nhận và bảo vệ quyền này, trong giới hạn công ích và trật tự công cộng (1731-1738).

Sự Tự Do của Con Người trong Chương Trình Cứu Độ

Tự do và tội lỗi. Tự do của con người có giới hạn và có thể làm lạc. Thực ra, con người đã tự ý phạm tội khi từ chối ý định yêu thương của Thiên Chúa, và trở thành nô lệ tội lỗi. Ngay từ đầu, lịch sử nhân loại cho thấy nhiều tai họa và áp bức phát xuất từ tâm địa con người là hậu quả của việc lạm dụng tự do (1739).

Tự do bị đe dọa. Tự do không phải là muốn nói gì hay làm gì thì làm. Mặt khác, những điều kiện về kinh tế và xã hội, chính trị và văn hóa cần thiết để thực thi tự do cách chính đáng, lắm khi bị phủ nhận và vi phạm. Khi xa lìa luật luân lý, con người làm thương tổn sự tự do của chính mình, làm nô lệ cho tính ích kỷ, cắt đứt tình huynh đệ với đồng loại và nổi loạn chống lại ý Chúa (1740).

Giải phóng và cứu độ. Nhờ thập giá, Đức Kitô đã cứu tất cả mọi người khỏi ách nô lệ tội lỗi để chúng ta được tự do, sự tự do của con cái Thiên Chúa (1741).

Tự do và ân sủng. Ân sủng của Đức Kitô không hề đàn áp sự tự do của chúng ta, trái lại càng ngoan ngoãn vâng theo sự thúc đẩy của ân sủng, thì sự tự do nội tâm và lòng quả cảm của chúng ta càng được gia tăng trước thử thách, cũng như ràng buộc của thế giới bên ngoài. Nhờ tác động của ân sủng, Chúa Thánh Thần dẫn chúng ta đến sự tự do thiêng liêng để chúng ta trở thành những người tự nguyện cộng tác vào công trình của Người trong Hội Thánh và thế giới (1742-1748).

Tính Luân Lý của các Hành Vi Con Người

Tự do làm cho con người thành một chủ thể luân lý. Khi hành động có chủ ý, con người được coi là cha của các hành vi của mình. Các hành vi được tự do lựa chọn theo phán đoán lương tâm, đều có tính luân lý: có thể là tốt hay xấu (1749).

Nguồn gốc của luân lý (1750-1754)

Luân lý tính của các hành vi con người tùy thuộc vào:

- đối tượng được chọn lựa;
- mục đích nhắm tới hay ý hướng;
- các hoàn cảnh của hành động.

Đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh tạo nên yếu tố cấu thành luân lý tính của các hành vi con người. *Đối tượng* được lựa chọn *xác định luân lý tính* của hành vi ý chí, tùy theo sự nhận biết và phán đoán của lý trí. *Ý hướng* phát xuất từ ý chí tự do và xác định mục đích của hành động, nên là *một yếu tố căn bản để đánh giá luân lý tính của hành động*. Ý hướng có thể định hướng toàn bộ cuộc sống chúng ta đến một cùng đích. *Cứu cánh không biện minh cho phương tiện*. Một ý hướng tốt không thể làm cho một hành vi xấu thành tốt. Ngược lại, một việc tốt có thể trở thành xấu vì làm với ý xấu. Các *hoàn cảnh*, kể cả những hậu quả, là những yếu tố phụ của một hành vi luân lý. Chúng không thể làm cho một hành vi tự nó là xấu, trở nên tốt hay đúng, nhưng có thể góp phần gia tăng hay giảm bớt tính chất tốt hay xấu về mặt luân lý của những hành vi con người.

Hành vi tốt và hành vi xấu (1575-1562)

Một hành vi tốt về mặt luân lý đòi hỏi *đối tượng, mục đích và các hoàn cảnh đều phải tốt*. Đối tượng được lựa chọn có thể làm cho toàn bộ hành động trở nên xấu. Có những hành vi luôn luôn là sai, vì ngay khi chọn lựa, ý chí đã lệch lạc; đó là một điều xấu luân lý. Không được phép làm điều xấu để đạt một kết quả tốt. Chưa cần xét đến hoàn cảnh và ý hướng, có những hành vi tự bản chất luôn là bất chính nghiêm trọng do đối tượng.

Các Nhân Đức

Nhân đức là một khuynh hướng theo thói quen và chắc chắn để hết sức làm điều tốt. Người nhân đức hướng về sự thiện với tất cả năng lực thể xác và tinh thần. Họ cố gắng theo đuổi điều thiện và dứt khoát chọn lựa bằng những hành động cụ thể (1803).

Các đức tính nhân bản (1804-1811)

Các đức tính nhân bản hay *nhân đức* là những thái độ chắc chắn, khuynh hướng vững bền, thói quen hướng thiện của lý trí và ý chí; chúng điều khiển các hành động, các đam mê, và hướng dẫn cách ăn ở của ta theo lý trí và đức tin. Các đức tính này đem lại cho ta sự thoải mái, tự chủ và an vui, để sống một cuộc đời tốt đẹp. Người nhân đức tự nguyện làm điều lành. Muốn có các đức tính luân lý này, ta phải cố gắng luyện tập. Các đức tính hướng mọi năng lực của con người đến sự hiệp thông với tình yêu Thiên Chúa (1804).

Các nhân đức trụ

Có bốn nhân đức đóng vai trò "bản lề," vì các nhân đức khác xoay quanh chúng, là khôn ngoan, công bình, can đảm và tiết độ; cũng gọi là các nhân đức căn bản (1805).

- *Khôn ngoan* giúp lý trí nhận ra điều lành và chọn những phương thế tốt để đạt được nó. Khôn ngoan không phải là do dự, tráo trở hay vờ vĩnh. Nó vạch ra quy tắc và giới hạn cho các đức tính khác. Nó hướng dẫn phán đoán của lương tâm. Nhờ nó, chúng ta áp dụng đúng đắn các nguyên tắc luân lý vào từng trường hợp cụ thể, và không phải do dự về điều lành phải làm và điều dữ phải tránh (1806).
- *Công bình* thể hiện qua quyết tâm trả lại cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa và cho tha nhân những gì thuộc về họ; đối với Thiên Chúa là "nhân đức thờ phượng"; đối với tha nhân, là tôn trọng quyền lợi của mỗi người, đối xử chính trực với họ và thực thi công ích, ngay cả trong tư tưởng (1807).

- *Can đảm* giúp chúng ta kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều lành. Nó giúp chúng ta chống lại cám dỗ và vượt qua các chướng ngại trong đời sống luân lý. Nhờ nhân đức can đảm, chúng ta thắng sợ hãi, ngay cả cái chết, đương đầu với thử thách và bách hại, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì chính nghĩa (1808).
- *Tiết độ* giúp chúng ta kiềm chế sức lôi cuốn của lạc thú và sử dụng chừng mực của cải. Tiết độ giúp ý chí làm chủ các bản năng và kiềm chế các ham muốn trong một giới hạn chính đáng (1809).

Nhân đức và ân sủng. Nhờ ơn Chúa, các nhân đức tôi luyện tính tình và giúp chúng ta dễ dàng làm điều thiện. Ôn cứu độ của Đức Kitô đem lại cho chúng ta ân sủng cần thiết để kiên tâm trau dồi các nhân đức. Muốn tập nhân đức, cần phải luôn cầu xin ơn soi sáng, nhờ đến các bí tích, cộng tác với Chúa Thánh Thần, nghe theo tiếng Ngài gọi để yêu chuộng điều thiện và lánh xa điều ác (1810-1811).

Các nhân đức Đối Thần

Các nhân đức đối thần là các nhân đức làm cho chúng ta có khả năng thông phần bản tính Thiên Chúa. Các nhân này là nền tảng, linh hồn và nét đặc thù của hoạt động luân lý Kitô giáo. Thiên Chúa ban cho chúng ta các nhân đức này để chúng ta có khả năng hành động như con cái Ngài và đáng hưởng sự sống đời đời. Các nhân đức đối thần là bảo chứng Chúa Thánh Thần hiện diện và tác động trong những năng lực của con người. Có ba nhân đức đối thần là tin, cậy, mến (1812-1813).

- **Đức tin** giúp chúng ta tin vào Thiên Chúa, cùng tất cả những gì Ngài đã phán và mặc khải cũng như Hội Thánh dạy phải tin, vì Thiên Chúa là chân lý. Đức tin không có đức cậy và đức mến, sẽ không kết hợp ta trọn vẹn với Đức Kitô và không làm cho chúng ta trở nên chi thể sống động trong Nhiệm Thể Người. Chúng ta không những phải giữ và sống đức tin, mà còn phải tuyên xưng, làm chứng và truyền bá đức tin nữa. (1814-1816).
- **Đức cậy** giúp chúng ta khao khát Nước Trời và sự sống vĩnh cửu, nhờ tin tưởng vào các lời hứa của Đức Kitô và phó thác vào ơn Chúa Thánh Thần, chứ không dựa vào sức mình. Đức cậy bảo vệ chúng ta khỏi thất vọng, nâng đỡ chúng ta, giúp chúng ta phấn khởi mong đợi hạnh phúc muôn đời. Đức cậy giải thoát chúng ta khỏi lòng ích kỷ và đưa chúng ta đến hạnh phúc của đức ái. Các Mối Phúc Thật hướng niềm hy vọng của chúng ta lên Thiên Quốc. Nhờ công ơn và cuộc khổ nạn của Đức Kitô, Thiên Chúa gìn giữ chúng ta trong đức cậy. Đức cậy được diễn tả và nuôi dưỡng trong kinh nguyện, nhất là kinh Lạy Cha (1817-1821).
- **Đức mến** hay **đức ái** giúp chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, và vì Chúa mà chúng ta thương yêu tha nhân như chính mình. Đức Kitô đặt đức ái làm điều răn mới. Đức ái là hoa quả của Chúa Thánh Thần và là chu toàn lề luật. Thánh Phaolô kể ra các đặc điểm của đức ái:

"Đức ái thì nhẫn nhục, không ghen tương, không khoe khoang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không hận thù, không mừng vì điều ác, nhưng vui vì điều chân thật. Đức ái tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, chịu đựng tất cả."

Đức ái cao trọng hơn mọi nhân đức, và đứng đầu các nhân đức đối thần. Đức ái gọi hứng và thúc đẩy việc tập luyện mọi nhân đức. Đức ái là nguồn mạch và cùng đích của việc thực hành các nhân đức trong đời sống Kitô hữu. Đức ái bảo đảm, thanh luyện và nâng khả năng yêu thương của con người lên mức hoàn thiện siêu nhiên. Đời sống luân lý được sinh động nhờ đức ái, đem lại cho các Kitô hữu sự tự do thiêng liêng của con cái Thiên Chúa. Hoa quả của đức ái là niềm vui, bình an và lòng thương xót (1822-1829).

Lề Luật và Ân Sủng

Con người được mời gọi tới hưởng hạnh phúc, nhưng bị thương vì tội lỗi, nên cần ơn cứu độ của Thiên Chúa. Đức Kitô mang ơn cứu độ đến cho con người qua lề luật để dẫn dắt họ và qua ân sủng để nâng đỡ họ (1949).

Luật Luân Lý

Luật luân lý là tác phẩm của Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa. Nó như lời Cha dạy con, như một phương pháp giáo dục của Thiên Chúa. Nó quy định cho chúng ta những con đường, những nguyên tắc sống, đưa đến hạnh phúc mà Ngài đã hứa, ngăn cấm chúng ta đi con đường xấu. Tuy là những mệnh lệnh nhưng cũng là những lời hứa đáng cho chúng ta quý mến. Luật là quy tắc sống, được quyền bính hợp pháp ban hành để phục vụ công ích.

Luật luân lý là một trật tự hợp lý được Tạo Hóa thiết lập để các thụ tạo đạt tới lợi ích và cứu cánh của chúng. Có nhiều cách diễn tả luật luân lý như: luật vĩnh cửu của Thiên Chúa; luật tự nhiên; luật mặc khải gồm Luật Cũ và Luật Mới hay luật Tin Mừng; sau cùng dân luật và giáo luật. Luật luân lý được viên mãn và thống nhất trong Đức Kitô, Đấng là hiện thân, và cùng đích của lề luật (1950-1953).

Luật luân lý tự nhiên (1954-1960)

Luật tự nhiên được Thiên Chúa ghi trong tâm hồn mọi người. Nó là nền tảng giúp chúng ta dùng lý trí mà nhận ra điều tốt và xấu, thật và giả. Nó vạch ra cho chúng ta con đường phải theo để làm điều tốt và đạt tới cùng đích. Nó nêu ra những mệnh lệnh đầu tiên và chính yếu điều khiển đời sống luân lý. Trọng tâm của nó là lòng khao khát và từng phục Thiên Chúa, cùng cảm thức về tha nhân như bình đẳng với mình. Luật này được trình bày trong Mười Điều Răn.

Luật này được gọi là tự nhiên không phải vì rút ra từ thế giới tự nhiên, nhưng được Thiên Chúa ghi trong lòng mỗi người và được lý trí xác nhận. Nó có giá trị phổ quát mà mọi người phải theo. Luật này nói lên phẩm giá con người và xác định nền tảng các quyền lợi và bổn phận cơ bản của con người. Dù các nền văn hóa có khác nhau, nó vẫn là một quy tắc nối kết con người với nhau, đặt cho họ những nguyên tắc chung, vượt trên mọi khác biệt.

Luật tự nhiên bất biến và trường tồn qua mọi thời đại. Nó là công trình của Tạo Hóa, cung cấp cho chúng ta những nguyên tắc cơ bản để thiết lập các quy tắc luân lý. Nó cũng đặt nền móng luân lý cho việc kiến tạo cộng đoàn nhân loại; và cung cấp cơ bản cần thiết cho luật dân sự. Nó là cơ sở Thiên Chúa dọn sẵn và thích hợp với công trình của Chúa Thánh Thần để con người đón nhận luật mặc khải và ân sủng.

Luật Cũ (1961-1964)

Thiên Chúa đã mặc khải cho dân Israel Luật của Ngài để chuẩn bị cho Đức Kitô. Luật Môsê nêu ra nhiều chân lý mà lý trí tự nhiên có thể đạt tới. Nó là bước đầu của luật mặc khải. Những mệnh lệnh luân lý được tóm tắt trong Mười Điều Răn, nền tảng cho ơn gọi làm người. Các điều răn ấy ngăn cấm những gì nghịch lại tình yêu Thiên Chúa và tha nhân, cùng ấn định những đòi hỏi chính yếu của tình yêu ấy. Mười Điều Răn là ánh sáng cho lương tâm mọi người, giúp họ nhận ra tiếng gọi và những con đường của Thiên Chúa, và bảo vệ họ khỏi sự dữ. Theo truyền thống Kitô giáo thì nó chưa hoàn thiện vì chỉ cho thấy điều phải làm, nhưng không ban ân sủng để chu toàn. Tuy nhiên, nó là bước chuẩn bị giúp dân Chúa cũng như mỗi Kitô hữu sẵn sàng hoán cải và tin vào ơn Cứu Độ. Vì là Lời Thiên Chúa, nó là một giáo huấn vĩnh cửu tiên báo công trình Đức Kitô sẽ thực hiện để giải thoát ta khỏi tội lỗi, cung cấp cho Tân Ước những hình ảnh, tiên trưng, và biểu tượng, để diễn tả đời sống theo Thánh Thần. Cuối cùng, các sách giáo huấn và các ngôn sứ, bổ túc và hướng luật cũ đến Tân Ước và Nước Trời.

Luật Mới hay luật Tin Mừng (1965-1986)

Luật mới hay luật Tin Mừng là sự hoàn hảo ở đời này của luật Thiên Chúa, luật tự nhiên và luật mặc khải. Đây là luật của Đức Kitô, được trình bày cách đặc biệt trong Bài Giảng Trên Núi, mà cũng là công trình của Thánh Thần. Luật Mới là ân sủng Chúa Thánh Thần ban cho các tín hữu nhờ tin vào Đức

Kitô. Đức Kitô dùng Bài Giảng Trên Núi để dạy chúng ta ta điều gì phải làm, và các bí tích để thông ban ân sủng giúp chúng ta thực hiện những điều ấy. Luật Tin Mừng trỗi vượt và kiện toàn Luật Cũ.

Nơi các Mối Phúc Thật, Luật Mới dành cho những ai sẵn sàng tin tưởng đón nhận niềm hy vọng mới: những người nghèo, khiêm tốn, đau khổ, có tâm hồn trong sạch, bị bách hại vì Đức Kitô. Như thế Luật Mới mở ra những con đường của Nước Trời. Luật Mới hoàn tất các điều răn của Luật Cũ. Bài Giảng Trên Núi không hủy bỏ hay giảm giá trị Luật Cũ, mà còn khai thông những tiềm năng, và làm nổi bật những đòi hỏi mới của Luật ấy.

Luật Mới làm sáng tỏ toàn bộ chân lý về Thiên Chúa và con người trong Luật Cũ. Nó không thêm những điều răn mới bề ngoài, nhưng canh tân tâm hồn là nơi phát xuất mọi hành vi, ý tưởng và nhân đức. Tin Mừng đưa Luật Cũ tới viên mãn khi dạy chúng ta nên hoàn thiện như Cha trên trời, tha thứ cho kẻ thù, và cầu nguyện cho những người bách hại chúng ta. Luật Mới dạy chúng ta thực thi các hành vi tôn giáo như bố thí, cầu nguyện và chay tịnh, nhưng chỉ qui hướng về Thiên Chúa Cha mà thôi. Kinh Lạy Cha là lời cầu nguyện của những người sống theo luật mới (1965-1969).

Luật Tin Mừng đòi chúng ta chọn lựa dứt khoát và thực hành các lời Chúa dạy. Luật này được tóm lược trong Luật Vàng. Toàn bộ luật Tin Mừng thu gọn trong điều răn mới của Đức Kitô là *chúng ta hãy yêu thương nhau như Người đã yêu thương chúng ta*. (1970)

Thêm vào Bài Giảng Trên Núi của Chúa là giáo lý về luân lý của các Tông Đồ.... Các lời này truyền lại giáo huấn của Chúa với thẩm quyền của các Tông Đồ, đặc biệt trong việc trình bày các nhân đức xuất phát từ đức tin vào Đức Kitô, và được đức mến là ân sủng chính của Chúa Thánh Thần làm cho sống động. Các giáo huấn này cũng dạy chúng ta giải quyết những vấn đề lương tâm theo ánh sáng của sự tương quan giữa chúng ta với Đức Kitô và với Hội Thánh.

Luật Mới được gọi là *luật yêu thương* vì dạy chúng ta hành động theo tình yêu mà Chúa Thánh Thần thông ban, hơn là vì sợ hãi.

Luật Mới được gọi là *luật ân sủng* vì nhờ đức tin và các bí tích, chúng ta nhận được sức mạnh của ân sủng để hành động.

Luật Mới là *luật tự do* vì giải thoát chúng ta khỏi những trói buộc về nghi thức và pháp lý cũ, giúp chúng ta hành động theo sự thôi thúc của đức ái, và sau hết nâng chúng ta từ tình trạng tội lỗi lên bậc bạn hữu của Đức Kitô.

Ngoài các giới luật, Luật Mới còn có những lời khuyên Tin Mừng. Các lời khuyên này nhằm loại bỏ những điều dù không nghịch với đức ái nhưng có thể cản trở đức ái phát triển.

Luật Mới đạt tới mức hoàn hảo trong giới luật mến Chúa yêu người. Các lời khuyên giới thiệu những con đường thẳng, những phương thế thuận lợi và được thực hành tùy theo ơn gọi của mỗi người (1971-1986).

Self-Reflection Questions – Câu hỏi Tự Vấn

Write about a paragraph answer to at least one of the following questions

Viết khoảng một đoạn văn trả lời ít nhất là một trong những câu hỏi sau:

1. How is the Catholic notion of human freedom like and unlike the notions of freedom in the dominant culture of the United States? How is this culture either a support or a challenge in living a Christian moral life?

Khái niệm của Công Giáo về sự tự do của con người giống và khác các khái niệm về tự do của nền văn hóa chính của Nước Hoa Kỳ thế nào? Nền văn hóa này là một sự nâng đỡ hay một thách đố cho việc sống đời sống luân lý Kitô giáo ra sao?

2. By definition, virtues are something that must be practiced; they are expressed in the doing and it only through the doing that they become habitual and firm dispositions. How do you practice the virtues? Is there something more you could be doing?

Theo định nghĩa, các nhân đức là những điều chúng ta phải thực hành; chúng được thể hiện bằng thực hành và chỉ qua thực hành mà chúng trở thành những khuynh hướng theo thường xuyên và chắc chắn. Bạn thực hành các nhân đức như thế nào? Bạn có Thể làm thêm được gì nữa không?